

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **36/2024/DS-ST**

Ngày 16/8/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Sơn**

Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Quỳnh Trang**- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Tp Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông: **Võ Q** – Sinh năm: 1964 và bà: **Lê Thị Mỹ H** – Sinh năm: 1971 - Địa chỉ: Số 1xx đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Pháp nhân đại diện theo uỷ quyền: Công ty Luật TNHH T - Địa chỉ: 5x đường T, S, Tp Đà Nẵng theo Văn bản uỷ quyền số 2xx ngày 22/4/2024. Uỷ quyền lại cho bà **Ngô Thị Thanh Y** - Sinh năm: 1991- Địa chỉ: 5x đường T, quận S, Tp Đà Nẵng theo Văn bản uỷ quyền ngày 22/4/2024 của Công ty Luật TNHH T. *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Thái Thị Thuỳ T** – Luật sư Công ty Luật TNHH T thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hiếu S** – Sinh năm: 1993

Bà **Trần Thị Hoa S** – Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Số 1xx đường H, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Nguyễn Lê N** – Sinh năm: 1974 – Trú tại: Thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên - Địa chỉ liên hệ: Số 1xx đường H, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

3.2 Ông **Mai Phước H** – Sinh năm: 1955 và bà **Nguyễn Thanh H** – Sinh năm: 1970. Cùng trú tại: Tổ 2x, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng - Địa chỉ liên hệ: 3x đường L, phường T, quận T, Tp Đà Nẵng. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:**

Vào ngày 12.1.2021, ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H có ký, công chứng Hợp đồng vay tiền với vợ chồng ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S tại Văn phòng Công chứng T- Số 3xx đường N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Tại hợp đồng, các bên thỏa thuận ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H cho vợ chồng ông S, bà S vay số tiền 4.600.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng (từ ngày 12.1.2021 đến ngày 12.1.2022) với lãi suất 12%/năm.

Thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H đã giao đủ số tiền vay cho vợ chồng ông S, bà S. Tuy nhiên, vợ chồng ông S bà S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền lãi, tiền vay khi đến hạn mặc dù ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H đã nhiều lần yêu cầu.

Tính đến ngày 23/11/2022 vợ chồng ông S, bà S chỉ thanh toán được cho ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H tổng cộng 550.000.000 đồng tiền lãi, cụ thể:

- Ngày 15/5/2021 : Thanh toán 250.000.000 đồng
- Ngày 18/01/2022 : Thanh toán 200.000.000 đồng
- Ngày 25/10/2022 : Thanh toán 50.000.000 đồng
- Ngày 23/11/2022 : Thanh toán 50.000.000 đồng

Ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H nhận thấy, hành vi của vợ chồng ông S, bà S đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H. Do đó, nay, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H làm đơn này khởi kiện vợ chồng ông S, bà S đến Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng theo đó yêu cầu Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng:

Buộc ông Nguyễn Hiếu S và bà Trần Thị Hoa S phải trả lại cho ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H các khoản tiền vay và tiền lãi phát sinh bao gồm:

1. Tiền vay gốc là 4.600.000.000 đồng (*Bốn tỷ, sáu trăm triệu đồng*).
2. Tiền lãi trong thời hạn vay còn thiếu là $4.600.000.000 \text{ đồng} \times 12\%/\text{năm} - 550.000.000 \text{ đồng} = 2.000.000 \text{ đồng}$ (*Hai triệu đồng*).
3. Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 13/01/2022 đến ngày 13/04/2024 là $4.600.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 27 \text{ tháng} = 1.035.000.000 \text{ đồng}$ (*Một tỷ, không trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

Tổng cộng: $4.600.000.000 \text{ đồng} + 2.000.000 \text{ đồng} + 1.035.000.000 \text{ đồng} = 5.637.000.000 \text{ đồng}$ (*Năm tỷ, sáu trăm ba mươi bảy triệu đồng*).

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên có sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

3. Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay (là tiền lãi quá hạn trên nợ gốc chưa trả) tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 13/01/2022 đến ngày đến ngày 16/8/2024, tổng số ngày chậm trả là 946 ngày với mức lãi suất là 18%/năm, được tính là: $4.600.000.000 \text{ đồng} \times 18\% / 365 \text{ ngày} \times 946 \text{ ngày} = 2.145.994.529 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền gốc + lãi phải trả là: 4.600.000.000 đồng + 2.000.000 đồng + 2.145.994.521 đồng = **6.747.994.521 đồng** (Bằng chữ: Sáu tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm chín mươi tư nghìn năm trăm hai mươi mốt đồng).

Tại phiên toà hôm nay, phía bị đơn có trả cho ông Q, bà H số tiền 20.000.000 đồng. Nguyên đơn đồng ý trừ vào số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu, đồng thời bớt cho bị đơn số tiền lãi trong hạn 2.000.000 đồng. Như vậy, bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi còn lại tính đến thời điểm hôm nay là: 2.125.994.521 đồng. Tổng cộng: 4.600.000.000 đồng + 2.125.994.521 đồng = **6.725.994.521 đồng**.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Nguyễn Hiếu S và bà Trần Thị Hoa S trình bày:** Nguồn gốc khoản vay như sau: Trước đây mẹ ông Nguyễn Hiếu S là bà Nguyễn Lê N có mua lại căn nhà 1xx đường H, quận N, Tp Đà Nẵng của ông Q với giá 7,6 tỷ đồng và ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S là người đứng ra ký hợp đồng mua bán với vợ chồng ông Q. Ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S đã vay Ngân hàng T để trả cho ông Q là 03 tỷ đồng, đồng thời ông S, bà S thế chấp chính nhà và đất đã mua của vợ chồng ông Q để vay Ngân hàng. Số tiền còn lại ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S viết Giấy vay nợ với vợ chồng ông Q là 4,6 tỷ đồng. Quá trình vay thì ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S đã trả được 550.000.000 đồng. Sau khi mua nhà trên thì trùng dịch bệnh Covid nên ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S không có khả năng trả được nợ vay cho Ngân hàng cũng như trả nợ vay cho vợ chồng ông Q.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S để kiện đòi số tiền 5,8 tỷ đồng.

Nay ông Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S trả số tiền 4,6 tỷ đồng và tiền lãi phát sinh. Ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S có ý kiến như sau: Ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S đồng ý trả nợ gốc cho vợ chồng ông Q số tiền 4,6 tỷ đồng, xin không trả lãi. Đồng thời xin vợ chồng ông Q cho tạo điều kiện về thời gian để ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S tìm cách trả nợ cho vợ chồng ông Q.

Hiện tại, phương án trả nợ của ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S như sau: Mỗi năm ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S xin trả 500 triệu đồng cho đến khi hết nợ, nhưng chỉ xin trả gốc, không phải trả lãi.

Tại phiên toà hôm nay, ông S và bà S có trả cho ông Q, bà H số tiền 20.000.000 đồng để thể hiện thiện chí trả nợ của mình.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung: Buộc ông, bà phải trả lãi tiền lãi quá hạn trên nợ gốc chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 13/01/2022 đến ngày đến ngày 16/8/2024, tổng số ngày chậm trả là 946 ngày với mức lãi suất là 18%/năm, được tính là: 4.600.000.000 đồng x 18%/ 365 ngày x 946 ngày = 2.145.994.529 đồng thì ông bà không đồng ý. Trường hợp buộc trả lãi thì ông, bà chấp nhận với mức lãi suất 10%/năm như yêu cầu khởi kiện ban đầu.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Lê N trình bày:** Nguyên trước đây, con trai bà N là Nguyễn Hiếu K có thuê trọ tại nhà số 1xx đường H, phường H, quận N, Tp Đà Nẵng. Lúc đó bà N có gặp ông Q, và ông Q có ngỏ lời muốn bán căn nhà và đất trên cho bà N và hứa giúp đỡ cho gia đình bà N kinh doanh phòng trọ tại căn nhà đó nếu bà N đồng ý mua. Vì lúc đó, ông Q cũng có nợ Ngân hàng và đang thế chấp nhà và đất này tại

Ngân hàng. Nhà và đất trên ông Q có nhờ vợ chồng ông H đứng tên dùm và đứng vay dùm.

Do bà N không có tiền để mua và cũng không dự tính mua nhưng ông Q có hướng dẫn cách mua là nhờ hai con bà N là ông S và bà S đứng tên vay Ngân hàng T để trả nợ cho ông H rút sổ ra và sang tên cho vợ chồng ông S và bà S là khoảng 3,3 tỷ đồng. Gia đình bà N thoả thuận mua nhà của ông Q với giá 7,6 tỷ đồng, vay Ngân hàng là 3,3 tỷ đồng (đặt cọc cho ông Q 100 triệu đồng, trả phí và đóng thuế chuyển nhượng là khoảng 200 triệu đồng), số tiền còn lại là 4,6 tỷ đồng ông Q nói vợ chồng ông S và bà S ký Hợp đồng vay tiền tại VPCC T.

Như vậy, là để có được nhà và đất trên thì lúc đó vợ chồng ông S và bà S nợ Ngân hàng 3,3 tỷ đồng và nợ vợ chồng ông Q, bà H 4,6 tỷ đồng.

Do căn nhà ông Q bán cho vợ chồng ông S và bà S lúc đó chưa hoàn thiện, chưa đủ tiêu chuẩn cho người thuê trọ ở nên gia đình bà N phải bán một số tài sản ở Phú Yên để sửa chữa cho hoàn thiện. Tuy nhiên, do trùng dịch Covid hơn 1 năm nên không trả lãi được cho Ngân hàng và cũng không bán được tài sản ở Phú Yên để trả nợ cho ông Q. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện vợ chồng ông S và bà S với số tiền 5,7 tỷ đồng. Ngoài ra, do ông Q xây dựng nhà không đúng thiết kế để cho thuê phòng trọ nên Cơ quan Phòng cháy chữa cháy yêu cầu gia đình bà phải sửa chữa theo đúng quy định PCCC với số tiền 550 triệu đồng. Gia đình bà N phải vay nóng bên ngoài để khắc phục tình trạng trên, chấp hành đúng quy định PCCC. Trước số nợ ngày càng tăng như vậy nên buộc lòng gia đình bà phải bán nhà tại số 1xx đường H, phường H, quận N, Tp Đà Nẵng cho bà Nguyễn Thị Hương G - Sinh năm: 1975- Trú tại: Quận T, Tp Đà Nẵng, bà G đã bỏ tiền vào Ngân hàng để trả nợ, trả cho bà G số tiền vay nóng 550 triệu đồng, trả cho bà T 450 triệu đồng (tiền này gia đình bà N mượn bà T để trả lãi cho Ngân hàng). Như vậy là tiền bán nhà đủ để trả hết các khoản trên. Còn số nợ với vợ chồng ông Q thì gia đình bà chưa trả hết được. Trong quá trình vay, thì gia đình bà đã trả cho ông Q được 550 triệu đồng. Nay ông Q khởi kiện vợ chồng ông S và bà S buộc trả số tiền 4,6 tỷ đồng cùng với tiền lãi phát sinh thì bà N hoàn toàn đồng ý với ý kiến của bị đơn.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Mai Phước H, bà Nguyễn Thành H trình bày:** Đầu năm 2020, Anh Q – chị H đang rất cần tiền để trả nợ ngân hàng và có việc gia đình cần xử lý, nên có đăng bán thửa đất số 1xx, tờ bản đồ số 6 tại địa chỉ Lô 1xx-B2.4 đường H. TĐC H, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng, nhưng chưa được. Vì vậy, đến giữa năm 2020 anh Q có đến nhờ vợ chồng ông H, bà H về việc đứng tên hộ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1xx, tờ bản đồ số 6 tại địa chỉ Lô 1xx-B2.4 đường H. TĐC H, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng, mục đích để vay ngân hàng 3 tỷ đồng, vợ chồng ông bà đã đồng ý.

Ngày 31/7/2020, vợ chồng ông H, bà H cùng vợ chồng anh Q – chị H, ra phòng công chứng T (địa chỉ số 2xx đường X) để thực hiện ký hợp đồng chuyển nhượng. Sau đó, ông H, bà H vay 3 tỷ đồng tại ngân hàng S và giao cho anh Q – chị H số tiền nêu trên.

Đến đầu năm 2021, anh Q sang nhà ông H, bà H nói có người đồng ý mua nhà rồi, nên nói ông, bà đến phòng công chứng T (số 3xx đường N) để thực hiện

chuyển nhượng cho vợ chồng Nguyễn Hiếu S – sinh năm: 1993 và Trần Thị Hoa S – sinh năm: 1993.

Ông H, bà H xác định thửa đất số 1xx, tờ bản đồ số 6 tại địa chỉ Lô 1xx-B2.4 đường H, TĐC H, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng là của vợ chồng ông Võ Q và bà Lê Thị Mỹ H. Thời điểm chuyển nhượng chỉ là nhờ ông, bà đứng tên hộ với mục đích chỉ để thực hiện thủ tục hóa vay ngân hàng.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - bà Thái Thị Thuỳ T trình bày luận cứ bảo vệ:**

Đề nghị Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng giải quyết theo hướng: Căn cứ Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Võ Q và bà Lê Thị Mỹ H, buộc bị đơn là ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S phải trả tổng số tiền gốc và lãi là **6.725.994.521 đồng**.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 280, **463, 466, 468** BLDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H đối với ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Buộc ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S có trách nhiệm trả cho ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H số tiền như sau:

1. Tiền vay gốc là 4.600.000.000 đồng (*Bốn tỷ, sáu trăm triệu đồng*).
2. Tiền lãi trong thời hạn vay còn thiếu là 4.600.000.000 đồng x 12%/năm – 550.000.000 đồng = 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).
3. Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 13/01/2022 đến ngày 16/8/2024 với mức lãi suất theo yêu cầu khởi kiện ban đầu là 10%/năm cụ thể: 4.600.000.000 đồng x 10%/365 ngày x 946 ngày = 1.192.219.178 đồng.

Tổng cộng: 4.600.000.000 đồng + 2.000.000 đồng + 1.192.219.178 đồng = 5.794.219.178 đồng.

Tại phiên tòa bị đơn đã trả được cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng và nguyên đơn có giảm cho bị đơn 2.000.000 đồng tiền lãi trong hạn. Như vậy số tiền buộc ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S có trách nhiệm trả cho ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H là **5.772.219.178 đồng**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] **Về phần thủ tục:** Đơn khởi kiện của ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H nộp tại tòa án là đúng thủ tục và đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguồn gốc khoản vay như sau: Trước đây mẹ ông Nguyễn Hiếu S là bà Nguyễn Lê N có mua lại căn nhà số 1xx đường H, quận N, Tp Đà Nẵng của ông Q với giá 7,6 tỷ đồng và Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S là người đứng ra ký hợp đồng mua bán với vợ chồng ông Q. Ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S đã vay Ngân hàng T để trả cho ông Q là 03 tỷ đồng, đồng thời ông S, bà S thế chấp chính nhà và đất đã mua của vợ chồng ông Q để vay Ngân hàng. Số tiền còn lại ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S ký Hợp đồng vay tiền với vợ chồng ông Q với số tiền 4,6 tỷ đồng vào ngày 12.1.2021 tại Văn phòng Công chứng T – số 3xx đường N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Tại hợp đồng, các bên thỏa thuận ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H cho vợ chồng ông S, bà S vay số tiền 4.600.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng (từ ngày 12.1.2021 đến ngày 12.1.2022) với lãi suất 12%/năm.

Tính đến ngày 23/11/2022 vợ chồng ông S, bà S chỉ thanh toán được cho ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H tổng cộng 550.000.000 đồng tiền lãi, cụ thể:

- Ngày 15/5/2021 : Thanh toán 250.000.000 đồng
- Ngày 18/01/2022 : Thanh toán 200.000.000 đồng
- Ngày 25/10/2022 : Thanh toán 50.000.000 đồng
- Ngày 23/11/2022 : Thanh toán 50.000.000 đồng

Sau khi mua nhà trên thì trúng dịch bệnh Covid nên ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S không có khả năng trả được nợ vay cho Ngân hàng cũng như trả nợ vay cho vợ chồng ông Q.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S để kiện đòi số tiền 5,8 tỷ đồng.

Tại phiên toà, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Hiếu S và bà Trần Thị Hoa S phải trả lại cho ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H các khoản tiền vay và tiền lãi phát sinh bao gồm:

1. Tiền vay gốc là 4.600.000.000 đồng (*Bốn tỷ, sáu trăm triệu đồng*).
2. Tiền lãi trong thời hạn vay còn thiếu là 4.600.000.000 đồng x 12%/năm – 550.000.000 đồng = 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).
3. Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay (là tiền lãi quá hạn trên nợ gốc chưa trả) tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 13/01/2022 đến ngày đến ngày 16/8/2024, tổng số ngày chậm trả là 946 ngày với mức lãi suất là 18%/năm, được tính là: 4.600.000.000 đồng x 18%/ 365 ngày x 946 ngày = **2.145.994.529 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền gốc + lãi phải trả là: 4.600.000.000 đồng + 2.000.000 đồng + 2.145.994.521 đồng = **6.747.994.521 đồng** (*Bằng chữ: Sáu tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi tư nghìn năm trăm hai mươi mốt đồng*).

Do phía bị đơn có trả cho ông Q, bà H số tiền 20.000.000 đồng tại phiên toà và nguyên đơn đồng ý trừ vào số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu, đồng thời bớt cho bị đơn số tiền lãi trong hạn 2.000.000 đồng. Như vậy, bị đơn phải trả cho

nguyên đơn số tiền lãi còn lại tính đến thời điểm hôm nay là: 2.125.994.521 đồng.
Tổng cộng: 4.600.000.000 đồng + 2.125.994.521 đồng = **6.725.994.521 đồng**.

Về phía bị đơn, Ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S đồng ý trả nợ gốc cho vợ chồng ông Q số tiền 4,6 tỷ đồng, xin không trả lãi. Đồng thời xin vợ chồng ông Q cho tạo điều kiện về thời gian để ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S tìm cách trả nợ cho vợ chồng ông Q. Hiện tại, phương án trả nợ của ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S như sau: Mỗi năm ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S xin trả 500 triệu đồng cho đến khi hết nợ, nhưng chỉ xin trả gốc, không phải trả lãi. Tại phiên toà hôm nay, ông S và bà S có trả cho ông Q, bà H số tiền 20.000.000 đồng để thể hiện thiện chí trả nợ của mình. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung: Buộc ông, bà phải trả lãi tiền lãi quá hạn trên nợ gốc chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 13/01/2022 đến ngày đến ngày 16/8/2024, tổng số ngày chậm trả là 946 ngày với mức lãi suất là 18%/năm, được tính là: 4.600.000.000 đồng x 18%/ 365 ngày x 946 ngày = 2.145.994.529 đồng thì ông bà không đồng ý. Trường hợp buộc trả lãi thì ông, bà chấp nhận với mức lãi suất 10%/năm như yêu cầu khởi kiện ban đầu.

[2.1] Xét câu của các đương sự thì thấy:

Xét hợp đồng vay tiền ngày 12/01/2021 được ký kết giữa ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H và ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định pháp luật về nội dung và hình thức nên được công nhận và bảo vệ.

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 12/01/2021 được ký kết giữa ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H và ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S lập tại Văn phòng Công chứng T, thành phố Đà Nẵng; căn cứ vào lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX có đủ cơ sở để xác định việc ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S còn nợ ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H số tiền 4.600.000.000 đồng (*Bốn tỷ, sáu trăm triệu đồng*) là có thật, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay có thời hạn do vậy việc ông Q, bà H yêu cầu ông S, bà S trả số tiền gốc đã vay mượn và tiền lãi còn thiếu theo thoả thuận 12%/năm là đúng quy định tại Điều 468 BLDS. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Q, bà H buộc ông S, bà S phải trả lãi quá hạn 18%/ năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là vượt quá yêu cầu khởi kiện quy định tại Khoản 1 Điều 244 BLTTDS nên không được HĐXX xem xét chấp nhận mà chỉ chấp nhận mức lãi suất theo yêu cầu khởi kiện ban đầu là 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 BLDS.

Đối với phương án xin trả nợ dần của ông S, bà S đưa ra không được nguyên đơn - ông Q, bà H đồng ý, việc này thể hiện sự thiếu thiện chí trả nợ nhằm trốn tránh trách nhiệm và kéo dài việc trả nợ đồng thời ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên không được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở buộc ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S phải có trách nhiệm trả dứt điểm cho ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H số tiền :

1. Tiền vay gốc là 4.600.000.000 đồng (*Bốn tỷ, sáu trăm triệu đồng*).

2. Tiền lãi trong thời hạn vay còn thiếu là 4.600.000.000 đồng x 12%/năm – 550.000.000 đồng = 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

3. Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 13/01/2022 đến ngày 16/8/2024 với mức lãi suất theo yêu cầu khởi kiện ban đầu là 10%/năm cụ thể: 4.600.000.000 đồng x 10%/365 ngày x 946 ngày = 1.192.219.178 đồng.

Tại phiên toà bị đơn đã trả được cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng trừ vào số tiền lãi và nguyên đơn có giảm cho bị đơn 2.000.000 đồng tiền lãi trong hạn. Như vậy số tiền lãi còn lại là: 1.194.219.178 đồng - 22.000.000 đồng = 1.172.219.178 đồng

Vậy tổng số tiền buộc ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S có trách nhiệm trả cho ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H: 4.600.000.000 đồng + 1.172.219.178 đồng = **5.772.219.178 đồng** là phù hợp với Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H đối với ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Xử: Buộc ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S phải có trách nhiệm trả dứt điểm cho ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H số tiền **5.772.219.178 đồng** (*Năm tỷ bảy trăm bảy mươi hai triệu hai trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng*), trong đó tiền gốc là 4.600.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 13/01/2022 đến ngày 16/8/2024 theo mức lãi suất 10%/năm là 1.172.219.178 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Hiếu S, bà Trần Thị Hoa S phải chịu **113.772.219 đồng** (*Một trăm mười ba triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm mười chín đồng*)

Hoàn trả lại cho ông Võ Q, bà Lê Thị Mỹ H số tiền tạm ứng án phí **56.818.000 đồng** (*Năm mươi sáu triệu, tám trăm mười tám nghìn đồng*) theo biên lai thu số 17xx ngày 15/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Chi cục THA dân sự quận N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ TRÂM